

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21-01-2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi
con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thắm;

2. Ông Đỗ Minh Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 336/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 07/01/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ 1, ấp Kiến Điền, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hoài N, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ 1, ấp Kiến Điền, xã An Điền, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 11/10/2021 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Hoàng Thị H trình bày:

Bà Hoàng Thị H và ông Nguyễn Hoài N kết hôn với nhau từ năm 2004, có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc từ năm 2004 đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, gây gổ nhau. Ông N nhiều lần đánh đập bà H. Ông N không thay đổi vẫn có hành vi bạo hành bà H nên bà H không thể tiếp tục chung sống với ông N nữa. Nay mâu thuẫn hôn nhân đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên bà H xin được ly hôn với ông Nguyễn Hoài N.

Về con chung: Bà H và ông N có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 12/3/2005 và cháu Nguyễn Uy D, sinh ngày 6/10/2010. Hiện tại cháu Anh và cháu Dũng đang chung sống với bà H. Sau khi ly hôn bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Anh và cháu Dũng. Bà H không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông Nguyễn Hoài N trình bày:

Về hôn nhân: Ông N thống nhất với lời trình bày của bà H về thời điểm đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, từ năm 2006 vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Ông N thừa nhận khi vợ chồng cãi vã ông N có đánh bà H. Việc ông N đánh bà H và hai bên xô xát có báo Công an xã An Điền và lập biên bản ghi nhận sự việc. Sau khi vợ chồng cãi vã nhau thì lại hòa hợp, ông N cũng cố gắng sửa đổi, tuy nhiên ông N cho rằng trong gia đình vẫn không có tiếng nói chung, ông N là chồng nhưng không được tôn trọng, vợ chồng không còn yêu thương, chăm sóc nhau như đúng nghĩa vợ chồng. Ông N xác định vợ chồng chỉ vì không cùng quan điểm, không có tiếng nói chung mà dẫn đến mâu thuẫn kéo dài. Ông N không đồng ý ly hôn, mong muốn đoàn tụ cùng bà H để xây dựng hạnh phúc gia đình.

Về con chung: Bà H và ông N có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 12/3/2005 và cháu Nguyễn Uy D, sinh ngày 6/10/2010. Ông N không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyên đơn bà Hoàng Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không giao nộp thêm chứng cứ cho Tòa án. Bà H và ông N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ và các tài liệu chứng cứ và lời trình bày của đương sự cung cấp Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát có ý kiến như sau: Ngày 27/8/2004, bà Hoàng Thị H và ông Nguyễn Hoài N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nhân Đạo, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Quá trình chung sống bà H và ông N có 02 con chung gồm cháu Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 12/03/2005 và cháu Nguyễn Uy D, sinh ngày 06/10/2010. Từ năm 2004 đến 2006, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc. Từ năm 2006 đến nay, giữa bà H và ông N phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, ông N nhiều lần đánh đập bà H. Bà H nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, đời sống vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn với ông N. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông N.

Về con chung: Cháu Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 12/03/2005 và cháu Nguyễn Uy D, sinh ngày 06/10/2010, hiện tại 02 cháu đang ở với mẹ và 02 cháu có nguyện vọng ở với mẹ, sau khi cha mẹ ly hôn. Do đó để không làm thay đổi tâm sinh lý của cháu Anh và cháu Dũng nên giao 02 con chung cho bà H nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H có đơn yêu cầu không cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Hoàng Thị H khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Hoài N về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”. Bị đơn ông Nguyễn Hoài N có địa chỉ cư trú tại thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Hoàng Thị H và bị đơn ông Nguyễn Hoài N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Hoàng Thị H và bị đơn ông Nguyễn Hoài N kết hôn với nhau từ năm 1999, có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, là hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc từ năm 1999 đến năm 2006 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên gây gổ nhau. Ông N nhiều lần đánh đập bà H. Ông N không thay đổi vẫn có hành vi bạo hành bà H nên bà H không thể tiếp tục chung sống với ông N nữa. Nay mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên bà H xin được ly hôn với ông Nguyễn Hoài N. Sau khi vợ chồng cãi vã nhau thì lại hòa hợp, ông N cũng cố gắng sửa đổi, tuy nhiên ông N cho rằng trong gia đình vẫn không có tiếng nói chung, ông N là chồng nhưng không được tôn trọng, vợ chồng không còn yêu thương, chăm sóc nhau như đúng nghĩa vợ chồng. Ông N xác định vợ chồng chỉ vì không cùng quan điểm, không có tiếng nói chung mà dẫn đến mâu thuẫn kéo dài nên ông không đồng ý ly hôn.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Hoàng Thị H và ông Nguyễn Hoài N đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn hôn nhân đã xảy ra trong một thời gian dài nhưng hai bên vẫn không hàn gắn được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Hoàng Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Hoài N theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 12/3/2005 và cháu Nguyễn Uy D, sinh ngày 6/10/2010. Xét cháu Anh, cháu Dũng còn nhỏ, cần sự quan tâm, chăm sóc của mẹ và hiện đang sinh sống ổn định với bà H nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn giao cháu Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 12/3/2005 và cháu Nguyễn Uy D, sinh ngày 6/10/2010 cho bà Hoàng Thị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Bà Hoàng Thị H hiện nay có công việc và thu nhập ổn định, trước giờ bà H vẫn là người chăm sóc lo lắng chi phí sinh hoạt gia đình và chi phí học hành của các con, bà H có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung, bà H cũng không yêu cầu ông N cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn Hoàng Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị H đối với bị đơn ông Nguyễn Hoài N về việc: “tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”.

Về hôn nhân: Bà Hoàng Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Hoài N.

Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 12/3/2005 và cháu Nguyễn Uy D, sinh ngày 6/10/2010 cho bà Hoàng Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà H không yêu cầu ông Nguyễn Hoài N cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Nguyễn Hoài N được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung.

Vì lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà Hoàng Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0004261 ngày 12/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của Pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- UBND xã N, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Duyên

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Duyên

